

Bản án số: 100/2021/DS-ST

Ngày: 02/12/2021

V/v tranh chấp: *Hụi và Hợp đồng vay*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Nhu**

2. Ông **Lý Minh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:*

Ông **Nguyễn Thành Thêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 109/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hụi và Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST-DS ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp 01, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm: 1976.

- Anh **Trần Hồng S**, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Hồng S: Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm: 1976. (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, chị Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021 và đơn thay đổi đề ngày 04/3/2021 nộp tại Tòa án ngày 16/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 10/7/2019, vợ chồng chị Đ, anh S vay của bà số tiền là 150.000.000 đồng, không có lãi suất. Ngoài ra, bà có chơi hụi vợ chồng chị Đ, anh S thiếu tiền

hụi 140.000.000 đồng và có vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, nên chị Đ, anh S viết biên nhận nợ chung ngày 25/01/2020 chốt nợ còn thiếu bà số tiền 260.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị Đ, anh S trả số tiền vay và tiền hụi tổng cộng số tiền vay và hụi là 410.000.000 đồng.

- Theo lời khai chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S tại biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 22/4/2021: Anh, chị thừa nhận có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng theo giấy Biên nhận ngày 10/7/2019 là đúng. Còn lại số tiền 260.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/01/2020 là tiền vốn và lãi của hụi, không có vay 120.000.000 đồng như lời bà T khai.

Nay anh, chị đồng ý trả cho bà T số tiền vay 150.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 10/7/2019. Còn tiền hụi 260.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/01/2020 anh, chị chỉ đồng ý trả 130.000.000 đồng. Tổng cộng anh, chị trả cho bà T số tiền 280.000.000 đồng (150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/7/2019 và 130.000.000 đồng theo giấy nợ tiền hụi ngày 25/01/2020).

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, vì: Theo lời trình bày của bà T do quen biết nên bà có cho bà Đ vay số tiền 150.000.000đ vào ngày 10/7/2019 có làm biên nhận. Về tiền hụi, từ năm 2018 đến tháng 01/2020 bà T có tham gia 10 dây hụi do bà Đ làm đầu thảo. Ngày 25/01/2020 hai bên làm biên nhận chốt nợ hụi là bà Đ nợ tiền hụi bà T 260.000.000đ (bao gồm tiền mượn là 120.000.000đ và tiền hụi là 140.000.000đ). Các biên nhận đều do bà Đ tự viết và ký tên, ghi họ tên. Quá trình giải quyết vụ án bà T cũng cung cấp được 03 biên nhận chứng minh cho yêu cầu của mình. Về phía bà Đ cũng thừa nhận có vay tiền của bà T nhiều lần đến ngày 10/7/2019 làm biên nhận nợ là 150.000.000đ, chữ viết, chữ ký và ghi họ tên trong biên nhận là do bà Đ ghi. Về tiền hụi do trước đây bà Đ có làm đầu thảo hụi, bà T là hụi viên tham gia nhiều dây hụi. Giữa bà và bà T có làm biên nhận ngày 25/01/2020 chốt nợ hụi lại bà Đ còn nợ bà T 260.000.000đ tiền hụi trong đó gồm tiền vốn và lãi. Bà Đ thừa nhận biên nhận ngày 25/01/2020 là do bà viết, ký tên, ghi họ tên. Nay bà Đ và ông S đồng ý trả cho bà T 150.000.000đ tiền vay, còn tiền hụi xin giảm 130.000.000đ vì hụi lãi cao, tổng cộng số tiền bà Đ và ông S đồng ý trả bà T là 280.000.000 đồng và xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng nhưng bà Đ không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho việc xin giảm 130.000.000đ tiền hụi do lãi cao và bà T cũng không đồng ý việc trả dần. Do đó buộc bà Đ, ông S phải trả cho bà T 410.000.000đ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự và Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Trần Hồng S trả cho bà T số tiền 410.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà T kiện chị Đ, anh S tranh chấp về hui và Hợp đồng vay tài sản. Đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Bà T kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ vay và tiền hui, nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui theo quy định tại các Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc ủy quyền của đương sự:* Bị đơn anh Trần Hồng S ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Anh Đ (Theo văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè chứng thực ngày 29/3/2021). Xét việc ủy quyền của anh S là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên chị Đ là người đại diện theo ủy quyền của anh S.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 10/7/2019, vợ chồng chị Đ, anh S có vay của bà T số tiền là 150.000.000 đồng, không có lãi suất. Ngoài ra, bà T có chơi nhiều dây hui vợ chồng chị Đ, anh S làm đầu thảo còn thiếu số tiền 140.000.000 đồng và vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, ngày 25/01/2020 chốt nợ chị Đ, anh S còn thiếu bà số tiền 260.000.000 đồng. Đồng thời bà T cung cấp chứng cứ gồm 01 biên nhận tiền đề ngày 10/7/2019 và 01 biên nhận tiền hui ngày 25/01/2020.

Chị Nguyễn Thị Anh Đ thừa nhận có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng theo giấy Biên nhận đề ngày 10/7/2019 là đúng. Còn lại số tiền 260.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/01/2020 là tiền vốn và lãi của hui, không có vay 120.000.000 đồng như lời bà T khai.

[2.1]. Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền vay 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/7/2019, chị Đ thừa nhận có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng. Biên nhận ngày 10/7/2019 do bà T cung cấp chị Đ thừa nhận đúng là do chị viết, ký và ghi họ tên. Mặc dù theo biên nhận nợ không ghi thời gian trả tiền, nhưng bà T đã thông báo trả nhiều lần, nhưng chị Đ, anh S hẹn đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Xét yêu cầu, chứng cứ khởi kiện của bà T yêu cầu chị Đ, anh S trả số tiền 150.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 10/7/2019 là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc anh S, chị Đ trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng

theo Biên nhận ngày 10/7/2019 là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.2]. Đối với số tiền 260.000.000 đồng theo biên nhận tiền hui ngày 25/01a/2020 do bà T cung cấp, chị Đ thừa nhận đúng là do chị Đ viết, ký và ghi họ tên. Theo lời chị Đ khai chị và anh S thừa nhận có thiếu tiền hui của bà T ở nhiều dây hui. Khi chị tuyên bố ngưng hui hai bên đối chiếu có cả tiền vốn và tiền lãi hui nên chị viết biên nhận tiền hui đề ngày 25/01a/2020 cho bà T. Đồng thời, tại phiên tòa bà T, chị Đ khai thống nhất số tiền mà bà T khai trước là tiền vay 120.000.000 đồng là tiền bà T hốt hui trước chị Đ thiếu. Đến ngày 25/01a/2020 mới đối chiếu và ghi biên nhận tổng nợ, nên xác định số tiền 260.000.000 đồng theo biên nhận tiền hui ngày 25/01a/2020 là tiền hui. Như vậy, chị Đ đã thừa nhận số tiền hui này còn thiếu bà T thì chị phải có trách nhiệm trả cho bà T. Theo ý kiến lời khai chị chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 130.000.000 đồng vì cho rằng có tiền lãi hui. Xét việc chơi hui giữa các bên là hui có lãi, nên các bên tham gia chơi phải trả lãi theo thỏa T. Đồng thời các bên cũng đã đối chiếu xong chị Đ mới viết biên nhận nợ tiền và chị Đ cũng không chứng minh được số tiền lãi cụ thể bao nhiêu. Do vậy, không chấp nhận lời khai này của chị Đ. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu chị Đ, anh S trả số tiền hui 260.000.000 đồng theo Biên nhận tiền hui ngày 25/01a/2020 là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T là phù hợp Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2.3]. Xét các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 471 và 280 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S liên đới trả cho bà T số tiền 410.000.000 đồng.

[3]. **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, nên chị Đ, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 280, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 410.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đ, anh S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đ, anh S liên đới chịu 20.400.000 đồng.
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 đồng theo biên lai thu số 0004893 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN